

CHÍNH PHỦ**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 14/2003/
NĐ-CP ngày 19/02/2003 quy định chi
tiết thi hành một số điều của
Luật Giao thông đường bộ.****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:*Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh.

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Giao thông đường bộ về một số quy tắc giao thông đường bộ; về tín hiệu của xe ưu tiên; về tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội trên đường bộ; về trách nhiệm của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong việc bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ.

Điều 2. Xử lý vi phạm.

Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định của Nghị định này thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

*Chương II***QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ QUY TẮC
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Điều 3. Khoảng cách khi xe ô tô chạy thành đoàn.

Xe ô tô khi chạy thành từng đoàn có tổ chức thì mỗi đoàn không được dài quá 250 mét theo hàng một; nếu có nhiều đoàn thì khoảng cách tối thiểu giữa hai đoàn là 100 mét. Những quy định tại Điều này không áp dụng đối với đoàn xe có xe cảnh sát dẫn đường.

Điều 4. Dừng xe, đỗ xe trên đường trong đô thị

Khi dừng xe, đỗ xe trên đường trong đô thị người điều khiển phương tiện phải tuân theo quy định tại Điều 19 của Luật Giao thông đường bộ và các quy định cụ thể sau đây:

1. Phải cho xe dừng, đỗ sát theo lề đường hoặc hè phố bên phải, bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,25 mét và không gây trở ngại, nguy hiểm cho giao thông.

2. Cấm dừng xe, đỗ xe trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, các chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước.

Điều 5. Xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông.

1. Hàng hóa xếp trên xe phải gọn gàng, chằng buộc chắc chắn, không để rơi vãi dọc đường, không kéo lê hàng trên mặt đường và không gây cản trở cho việc điều khiển xe. Kích thước xếp hàng quy định như sau:

a) Xe ô tô chở hàng không được xếp hàng vượt phía trước và phía sau thùng xe trên 10% chiều dài toàn bộ xe; không được xếp hàng quá bề rộng thùng xe, quá giới hạn chiều cao cho phép của từng loại xe theo quy định;

b) Xe ô tô chở khách không được xếp hàng hóa, hành lý nhô ra quá kích thước bao ngoài của xe;

c) Xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp không được xếp hàng hóa, hành lý vượt quá bề rộng đèo hàng về mỗi bên 0,30 mét, vượt quá chiều cao tính từ mặt đất là 2 mét, vượt quá phía sau đèo hàng là 0,50 mét;

d) Xe cơ giới ba bánh (kể cả xe lam), xe thô sơ không được xếp hàng hóa vượt phía trước và phía sau quá 1/3 chiều dài thân xe, không được xếp vượt quá bề rộng thân xe. Riêng xe thô chở hàng hóa, hành lý không được vượt quá 0,40 mét về mỗi bên bánh xe, không vượt phía trước, phía sau xe quá 1 mét. Cấm chở hàng hóa, hành lý trên mui các loại xe cơ giới ba bánh (kể cả xe lam).

2. Khi xếp hàng vượt phía trước và phía sau xe thì ban ngày phải có cờ báo hiệu màu đỏ, ban đêm hoặc khi trời tối phải có đèn đỏ báo hiệu.

Điều 6. Một số trường hợp được phép chở người trên xe ô tô chở hàng.

1. Xe ô tô chở hàng chỉ được phép chở người trong một số trường hợp sau đây:

a) Chở người đi làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai hoặc thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp; khi chở cán bộ, chiến sĩ của lực lượng vũ trang đi làm nhiệm vụ; khi chở người bị nạn đi cấp cứu;

b) Chở công nhân duy tu, bảo dưỡng đường bộ; khi chở người đi thực hành lái xe trên xe tập lái; khi chở người điều hành theo đoàn;

c) Giải tỏa người ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc trong trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.

2. Xe ô tô chở người trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải có thùng cố định, bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông.

Điều 7. Người đi bộ.

Người đi bộ ngoài việc phải chấp hành các quy định tại Điều 30 của Luật Giao thông đường bộ, còn phải chấp hành các quy định sau đây:

1. Không được đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy; khi mang vác vật công kênh

phải bảo đảm an toàn và không gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông.

2. Khi đi bộ theo đoàn thì phải có người hướng dẫn.

Điều 8. Đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy.

Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm khi đi trên các tuyến đường bộ quy định phải đội mũ bảo hiểm.

Chương III

TÍN HIỆU CỦA XE ƯU TIÊN

Điều 9. Tín hiệu của xe chữa cháy.

Xe chữa cháy có đèn quay trên nóc xe phát sáng màu đỏ hoặc xanh và có còi phát tín hiệu ưu tiên.

Điều 10. Tín hiệu của xe quân sự, xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp.

1. Xe quân sự có đèn quay trên nóc xe phát sáng màu đỏ, cờ hiệu quân sự cắm ở đầu xe phía bên trái người lái và có còi phát tín hiệu ưu tiên.

2. Xe công an có đèn quay trên nóc xe phát sáng màu xanh hoặc đỏ, cờ hiệu công an cắm ở đầu xe phía bên trái người lái và có còi phát tín hiệu ưu tiên.

Điều 11. Tín hiệu của xe cứu thương.

Xe cứu thương có dấu chữ thập màu đỏ trên thành xe, đèn quay trên nóc xe phát sáng màu đỏ và có còi phát tín hiệu ưu tiên.

Điều 12. Tín hiệu của xe hộ đê, xe đang làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai hoặc tình trạng khẩn cấp.

1. Xe làm nhiệm vụ cứu hộ đê có biển "XE HỘ ĐÊ" gắn ở kính phía trước của xe và có cờ hiệu hộ đê.

2. Xe đang làm nhiệm vụ khắc phục sự cố

thiên tai hoặc tình trạng khẩn cấp và xe cứu nạn giao thông:

a) Xe đang làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai hoặc tình trạng khẩn cấp có biển hiệu riêng;

b) Xe cứu nạn giao thông có đèn quay trên nóc xe phát sáng màu vàng và có còi phát tín hiệu ưu tiên.

Điều 13. Tín hiệu của xe cảnh sát dẫn đường.

1. Xe ô tô có đèn quay trên nóc xe phát sáng màu xanh - đỏ, cờ hiệu công an cắm ở đầu xe phía bên trái người lái và có còi phát tín hiệu ưu tiên.

2. Xe mô tô có đèn phát sáng màu xanh hoặc đỏ gắn ở càng xe phía trước hoặc phía sau, cờ hiệu công an cắm ở phía trước đầu xe và có còi phát tín hiệu ưu tiên.

Điều 14. Sử dụng tín hiệu của xe ưu tiên.

1. Xe ưu tiên chỉ được sử dụng tín hiệu của xe ưu tiên khi đi thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp.

2. Nghiêm cấm các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không thuộc loại xe ưu tiên sử dụng còi, cờ, đèn, biển hiệu của xe ưu tiên quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Nghị định này.

Điều 15. Tổ chức thực hiện.

Các Bộ quản lý xe ưu tiên phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể về tiêu chuẩn còi, đèn của xe ưu tiên; kiểm tra việc sử dụng tín hiệu của xe ưu tiên thuộc ngành mình quản lý theo quy định của Nghị định này.

Chương IV

TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA, THỂ THAO, ĐIỀU HÀNH, LỄ HỘI TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Điều 16. Thống nhất phương án bảo đảm giao thông.

Cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng đường bộ

để tiến hành các hoạt động văn hóa, thể thao, điều hành, lễ hội phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền thống nhất bằng văn bản về phương án bảo đảm giao thông trước khi xin phép tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, điều hành, lễ hội theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Phân luồng giao thông.

1. Trường hợp cần hạn chế giao thông hoặc cấm đường để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, điều hành, lễ hội thì cơ quan quản lý đường bộ phải ra thông báo phân luồng giao thông và đơn vị tổ chức phải tiến hành việc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Trường hợp các hoạt động văn hóa, thể thao, điều hành, lễ hội diễn ra trên đường cùng với các hoạt động giao thông khác thì việc tổ chức phải bảo đảm trật tự, an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông.

3. Ủy ban nhân dân nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, điều hành, lễ hội có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương tổ chức tốt việc phân luồng, bảo đảm giao thông tại khu vực diễn ra các hoạt động văn hóa, thể thao, điều hành, lễ hội.

Điều 18. Các quy định khác.

1. Cơ quan, tổ chức tiến hành các hoạt động văn hóa, thể thao, điều hành, lễ hội trên đường bộ phải thực hiện đúng các quy định về phạm vi và thời gian sử dụng đường bộ; tuân thủ các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, bảo vệ công trình đường bộ và giữ vệ sinh môi trường.

2. Sau khi tiến hành xong các hoạt động văn hóa, thể thao, điều hành, lễ hội trên đường bộ, đơn vị tổ chức phải thu dọn các phương tiện, thiết bị và hoàn trả mặt đường như nguyên trạng.

3. Trường hợp do yêu cầu của hoạt động văn hóa, thể thao, điều hành, lễ hội cần sửa chữa, tăng cường công trình đường bộ ngoài kế hoạch bảo trì đường bộ đã có hoặc khi tiến hành hoạt động văn hóa, thể thao, điều hành, lễ hội gây hư hại công trình đường bộ phải sửa chữa, khôi phục thì chi phí cho các công việc này được tính trong

kinh phí tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội theo quy định của pháp luật.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH TRONG VIỆC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải.

1. Ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật công trình đường bộ và các quy định về quản lý khai thác, sử dụng, bảo đảm an toàn và tuổi thọ công trình; tổ chức, hướng dẫn việc lắp đặt đủ các báo hiệu đường bộ; quản lý chất lượng công trình, định kỳ kiểm tra và thông báo kịp thời về tình trạng an toàn kỹ thuật của công trình đường bộ; tổ chức thẩm định về an toàn giao thông đối với các công trình đường bộ từ khi lập dự án, thiết kế, thi công và trong quá trình khai thác; thực hiện các biện pháp kỹ thuật đặc biệt bảo đảm an toàn giao thông tại những vị trí nguy hiểm dễ xảy ra tai nạn hoặc ùn tắc giao thông; chỉ đạo công tác bảo đảm giao thông trong mùa mưa, lũ.

2. Quy định tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; tổ chức việc kiểm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới.

3. Tổ chức việc đăng ký, kiểm định an toàn kỹ thuật xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.

4. Quy định điều kiện, tiêu chuẩn và cấp giấy phép cho cơ sở đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

5. Quy định chương trình đào tạo, điều kiện, tiêu chuẩn và cấp giấy phép cho cơ sở đào tạo lái xe.

6. Quy định tiêu chuẩn Trung tâm sát hạch lái xe; tổ chức việc sát hạch và cấp, đổi Giấy phép lái xe.

7. Quy định về tổ chức, quản lý vận tải khách, vận tải hàng bằng đường bộ; quy định về tiêu chuẩn, tổ chức hoạt động của bến xe ô tô khách.

8. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền; tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của Thanh tra giao thông đường bộ trong cả nước.

9. Phối hợp với Bộ Công an theo dõi, phân tích nguyên nhân các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, đề ra các biện pháp hữu hiệu nhằm hạn chế tai nạn giao thông hoặc ùn tắc giao thông.

10. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng bảo vệ công trình đường bộ đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, về an ninh quốc phòng.

11. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về giao thông đường bộ và bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ.

12. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an quy định cụ thể việc đổi Giấy phép lái xe khi Giấy phép lái xe bị đánh dấu số lần vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Công an.

1. Quy định và tổ chức đăng ký, cấp biển số, thu hồi đăng ký, biển số các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trừ các loại xe của quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng và xe máy chuyên dùng; quy định và tổ chức kiểm định xe ô tô, đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe và quản lý phương tiện, người lái xe thuộc ngành công an.

Cử cán bộ cảnh sát giao thông là sát hạch viên tham gia các hội đồng sát hạch để cấp Giấy phép lái xe của ngành giao thông vận tải.

2. Hướng dẫn việc chỉ huy điều khiển giao thông trên đường bộ; tổ chức, chỉ đạo công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm đối với người và phương tiện tham gia giao thông.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể việc đánh dấu số lần vi phạm

pháp luật về giao thông đường bộ trên Giấy phép lái xe của người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

4. Tổ chức điều tra, xử lý tai nạn giao thông; chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thống kê, theo dõi, phân tích và kết luận nguyên nhân các vụ tai nạn giao thông; đề xuất, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tai nạn giao thông.

5. Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động và tăng cường lực lượng cảnh sát làm công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Thường xuyên giáo dục lực lượng cảnh sát giao thông nâng cao trách nhiệm, phẩm chất và trình độ nghiệp vụ; khen thưởng kịp thời đi đôi với xử lý nghiêm khắc những cán bộ, chiến sĩ có hành vi tiêu cực trong khi làm nhiệm vụ.

6. Tham gia thẩm định về an toàn giao thông đối với công trình đường bộ trước khi đưa vào khai thác sử dụng theo quy định của pháp luật.

7. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về giao thông đường bộ và bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ.

8. Tổ chức bảo vệ công trình đường bộ đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, về an ninh quốc gia.

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng.

1. Tổ chức quản lý, kiểm tra phương tiện và người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng.

2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường bộ trong lực lượng quân đội, bảo đảm phương tiện và người điều khiển phương tiện trong quân đội thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ và chấp hành sự kiểm tra, kiểm soát của lực lượng bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ.

3. Tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng kiểm soát quân sự trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ.

4. Tham gia bảo vệ công trình đường bộ đặc biệt quan trọng.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Tài chính.

1. Bảo đảm kinh phí cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc thu tiền xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ.

3. Hướng dẫn quản lý, sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ, bảo đảm toàn bộ tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ phải được sử dụng cho công tác bảo đảm an toàn giao thông theo kế hoạch được duyệt.

4. Tổ chức kiểm tra, kiểm soát việc quản lý, sử dụng khoản tiền thu phạt theo đúng quy định.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa - Thông tin.

1. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giao thông đường bộ.

2. Chỉ đạo các cơ quan văn hóa thông tin, báo chí Trung ương và địa phương thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giao thông đường bộ, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông cho mọi tầng lớp nhân dân.

3. Hướng dẫn việc cấp giấy phép quảng cáo không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ và an toàn giao thông đô thị.

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan thông tin đại chúng.

Các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương phải có chuyên mục tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Tổ chức biên soạn sách giáo khoa về pháp

luật giao thông đường bộ, đưa vào giảng dạy trong các trường học và cơ sở đào tạo khác, phù hợp với ngành học, cấp học.

2. Đề ra các biện pháp giáo dục học sinh, sinh viên nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông; chỉ đạo các trường phối hợp với các cơ quan liên quan đề ra biện pháp chấm dứt tình trạng học sinh chưa đủ tuổi quy định của pháp luật đi học bằng xe mô tô, xe gắn máy, hoặc điều khiển xe mô tô không có Giấy phép lái xe.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thanh tra, kiểm tra cơ sở đào tạo lái xe theo quy định.

2. Hướng dẫn cơ sở dạy nghề trong việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và hướng dẫn việc cấp chứng chỉ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng.

1. Chỉ đạo công tác quy hoạch xây dựng đô thị, khu dân cư tập trung phải bảo đảm khai thác an toàn, hiệu quả các tuyến đường bộ.

2. Xét duyệt theo thẩm quyền hoặc hướng dẫn lập và hướng dẫn xét duyệt các đề án quy hoạch và xây dựng đô thị, khu dân cư bảo đảm diện tích đất cần thiết cho xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đô thị.

3. Hướng dẫn việc phối hợp xây dựng, sửa chữa các công trình ngầm bảo đảm không gây ùn tắc giao thông và mất an toàn trong giao thông đô thị.

4. Hướng dẫn việc cấp giấy phép xây dựng trụ sở cơ quan, trường học, bệnh viện, trung tâm dịch vụ thương mại, văn hóa và khu dân cư bảo đảm có diện tích đỗ xe phù hợp với quy mô, tính chất của từng công trình.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Y tế.

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải

quy định tiêu chuẩn sức khỏe và việc tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ đối với người lái xe.

2. Chỉ đạo việc tổ chức mạng lưới cấp cứu y tế trên các tuyến đường hay xảy ra tai nạn giao thông.

3. Tổ chức huấn luyện cấp cứu cho cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông và những người làm công tác sơ cứu ban đầu.

4. Xây dựng hệ thống thông tin cấp cứu về tai nạn giao thông.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện mọi biện pháp cần thiết để thiết lập và duy trì trật tự an toàn giao thông ở địa phương, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện ở các cấp, các ngành thuộc phạm vi quản lý.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ; giao nhiệm vụ và kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp dưới trong việc bảo vệ công trình đường bộ, hành lang an toàn đường bộ ở địa phương (kể cả các quốc lộ đi qua địa phương).

3. Quy định cụ thể việc cho phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường nhưng không được làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông; tổ chức giải tỏa lòng đường, hè phố bị chiếm dụng; cấm cho thuê hè phố, lòng đường để kinh doanh dưới mọi hình thức.

4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp dưới thực hiện quy hoạch sắp xếp nơi họp chợ, buôn bán cho nhân dân nhưng không được vi phạm các quy định về trật tự an toàn giao thông.

5. Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch cải tạo, mở rộng đường thuộc địa phương quản lý phù hợp quy hoạch được duyệt nhằm khắc phục ùn tắc giao thông; có biện pháp trong tổ chức giao thông như: Hạn chế hoặc cấm lưu hành một số loại phương tiện; phân luồng, phân tuyến, quy định phạm vi và thời gian hoạt động của một số loại

phương tiện; thời gian bắt đầu làm việc của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Đề xuất và tổ chức thực hiện các chính sách, biện pháp nhằm hạn chế phương tiện giao thông cá nhân áp dụng đối với thành phố, thị xã của địa phương.

6. Quy hoạch và chỉ đạo thực hiện quy hoạch xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; quản lý hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe.

7. Quản lý vận tải đường bộ theo phân cấp và hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải.

8. Đề xuất chính sách ưu tiên phát triển vận tải khách công cộng; tổ chức quản lý vận tải khách công cộng trong đô thị;

9. Tổ chức các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích vận tải khách công cộng bằng xe buýt; quy định các cơ quan, doanh nghiệp có số lượng lớn cán bộ, công nhân viên mà không có tuyến xe buýt chạy qua phải tổ chức xe đưa đón cán bộ, công nhân viên.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành.

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bãi bỏ Nghị định số 36/2001/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2001 của Chính phủ về việc bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 15/2003/NĐ-CP ngày 19/02/2003 quy định xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 01 năm 1989 và Pháp lệnh sửa đổi Điều 6 Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam ngày 06 tháng 7 năm 1995;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2002/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ về các giải pháp kiểm chế gia tăng và tiến tới giảm dần tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông;

Căn cứ Nghị định số 14/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Công an,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị định này quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về quy tắc giao thông đường bộ, các điều kiện bảo đảm an toàn giao thông của kết cấu hạ tầng giao